

PHÁP LUẬT KINH TẾ VIỆT NAM HAI MƯƠI NĂM ĐỔI MỚI: NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU

Bùi Ngọc Cường*

Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam (1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế. Quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam trong 20 năm qua một mặt tạo tiền đề nhưng mặt khác cũng đặt ra những yêu cầu cấp bách mang tính quy luật là phải nhanh chóng xây dựng một hệ thống pháp luật tương ứng với thể chế kinh tế mà nó tồn tại.

Pháp luật kinh tế được coi là bộ phận cấu thành của cơ chế kinh tế, vì vậy nó là bộ phận pháp luật chịu sự “va đập” mạnh mẽ nhất của quá trình đổi mới. Do đó, pháp luật kinh tế luôn đi tiên phong nhằm tạo dựng cơ sở pháp lý cho sự hình thành, phát triển của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Bài viết này chỉ khái quát những thành tựu chủ yếu làm nền diện mạo của pháp luật kinh tế trong 20 năm đổi mới.

I. KHÁI QUÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, vấn đề đổi mới hệ thống pháp luật mà trước hết là đổi mới tư duy pháp lý trong xây dựng và thực hiện pháp luật đã trở thành một chủ trương lớn được Nhà nước đặc biệt quan tâm. Hoạt động xây dựng pháp luật kinh tế¹ đã trở nên hết sức sôi động. Với quan điểm “phải quản lý đất nước bằng pháp luật chứ không phải chỉ bằng đạo lý”, Nhà nước đã đầu tư

nhiều thời gian, công sức cho hoạt động xây dựng pháp luật theo hai hướng: vừa sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp vừa tập trung xây dựng để ban hành những văn bản mới nhằm từng bước tạo lập những căn cứ pháp lý cần và đủ đảm bảo cho sự vận hành của cơ chế kinh tế mới.

Những văn bản pháp luật về kinh tế được ban hành thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau nhưng chủ yếu tập trung vào bảy lĩnh vực sau:

1. Pháp luật về sở hữu

Sở hữu nói chung, đặc biệt là sở hữu tư liệu sản xuất bao giờ cũng là vấn đề trung tâm của bất kỳ xã hội nào. Vì vậy, Đảng ta tiến hành đổi mới cơ chế kinh tế bắt đầu từ đổi mới quan niệm về sở hữu. “Thực chất của bước chuyển đổi kinh tế đó là cuộc cải cách cấu trúc lại nền kinh tế, bắt đầu từ sở hữu”². Quan điểm về chế độ sở hữu đã được Đảng ta chỉ rõ: “phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước”³. Để thể chế hoá những quan điểm, đường lối của Đảng về chế độ sở hữu, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng nhằm đảm bảo quyền tự do sở hữu cho công dân và pháp nhân. Văn bản đầu tiên quy định về sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất trong thời kỳ đổi mới là Nghị định 27/HĐBT ngày 9/3/1988 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành bản quy định về chính sách đối với kinh tế cá thể, tư nhân trong lĩnh vực nông nghiệp,

* TS Luật học, Đại học Luật Hà Nội

¹ Pháp luật kinh tế hiểu theo nghĩa rộng, là khái niệm không thuần nhất, chỉ tổng thể các quy phạm, các chế định được quy định trong các văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực khác nhau (Hiến pháp, luật dân sự, luật thương mại, tài chính, ngân hàng, đất đai, môi trường...) có liên quan đến quá trình vận hành, quản lý nền kinh tế (Xem: Bùi Ngọc Cường: Quan niệm về pháp luật kinh tế trong cơ chế thị trường - Tạp chí Luật học số 1/2004).

² GS. Trần Ngọc Hiến: Chính sách kinh tế của quá trình đổi mới ở nước ta - Bình luận Hiến pháp 1992. NXB Khoa học xã hội 1995, tr.137.

³ Đảng cộng sản Việt Nam: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH. NXB Sự thật, Hà Nội 1991, tr.199.

công nghiệp, vận tải...Tiếp đến là Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty năm 1990 chính thức luật hoá quyền sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất. Song sự kiện pháp lý quan trọng nhất trong giai đoạn này là việc Nhà nước ban hành bản Hiến pháp của thời kỳ đổi mới - Hiến pháp năm 1992. Hiến pháp 1992 đã đổi mới hầu như toàn bộ các điều về chế độ kinh tế, từ việc khẳng định sự tồn tại lâu dài của các thành phần kinh tế, sự bình đẳng trước pháp luật của các thành phần kinh tế đến việc Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu đối với vốn và tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Sau Hiến pháp 1992, hàng loạt các văn bản pháp luật quan trọng được ban hành nhằm xác lập, bảo đảm chế độ đa sở hữu trong nền kinh tế. Đó là:

- Bộ luật Dân sự năm 1995, Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003;
- Luật Doanh nghiệp nhà nước 1995, Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003;
- Luật Hợp tác xã năm 1996, Luật Hợp tác xã năm 2003;
- Luật Doanh nghiệp năm 1999, Luật Doanh nghiệp năm 2005;
- Luật Đầu tư được ban hành vào các năm 1987 - 1996, 2005;
- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.

Những văn bản pháp luật kể trên, ở các mức độ khác nhau đều quy định nhằm đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển, vận hành của các hình thức sở hữu khác nhau, tạo nên hệ thống pháp luật về sở hữu tương đối hoàn chỉnh. Hệ thống pháp luật về sở hữu bao gồm các nhóm quy định chủ yếu sau: Thứ nhất: xác nhận hình thức pháp lý về sự tồn tại của các hình thức sở hữu; thứ hai: quy định về thực hiện quyền sở hữu; thứ ba: quy định về các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu. Điều đáng chú ý là Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp luật nhằm cải cách, tháo gỡ những vướng mắc đối với sở hữu trong các doanh nghiệp nhà nước như: cổ phần hoá, giao, bán, khoán, cho thuê, kinh doanh vốn Nhà nước... Đồng thời, Nhà nước cũng ban hành nhiều văn bản nhằm khuyến khích sở hữu tư nhân, sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài phát triển thông qua

việc ban hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và Luật Đầu tư nước ngoài.

2. Pháp luật về các chủ thể kinh doanh

Các chủ thể kinh doanh được coi là nhân vật trung tâm của nền kinh tế thị trường. Với sự thừa nhận về tính đa dạng của các thành phần kinh tế với các hình thức sở hữu khác nhau, Nhà nước đã tập trung trí tuệ để xây dựng nhiều văn bản pháp luật nhằm ghi nhận và khuyến khích sự phát triển của các loại hình tổ chức kinh doanh. Những văn bản quan trọng trực tiếp quy định về các chủ thể kinh doanh đã được ban hành qua các giai đoạn khác nhau trong thời kỳ đổi mới (1986 - 2006) bao gồm:

- Luật Công ty năm 1990;
- Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990;
- Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987 (sửa đổi, bổ sung vào các năm 1990-1992;1996-2000);
- Luật Doanh nghiệp nhà nước (1995, 2003);
- Luật Hợp tác xã (1996, 2003);
- Luật Doanh nghiệp (1999,2005).

Hệ thống pháp luật về chủ thể kinh doanh ở nước ta đã có bước phát triển đáng kể. Nội dung cơ bản của pháp luật về chủ thể kinh doanh tập trung quy định những vấn đề chủ yếu như: Đối tượng có quyền thành lập, góp vốn thành lập doanh nghiệp theo hướng ngày càng mở rộng; thủ tục đăng ký kinh doanh (gia nhập thị trường) ngày càng đơn giản; quy định nhiều loại hình tổ chức kinh doanh cho các nhà đầu tư lựa chọn. Cho đến nay, pháp luật nước ta đã ghi nhận các loại hình tổ chức kinh doanh: công ty nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, công ty hợp danh, hợp tác xã; bước đầu quy định về Công ty mẹ - Công ty con và điều đáng chú ý là các nhà đầu tư nước ngoài có quyền lựa chọn mô hình tổ chức kinh doanh được quy định trong luật doanh nghiệp 2005. Các hình thức kinh doanh khác cũng được quy định trong các văn bản pháp luật như Bộ luật Dân sự...

Có thể nói, thành công lớn nhất mà pháp luật về các chủ thể kinh doanh của Việt Nam

đạt được là đã thiết kế được nhiều mô hình tổ chức kinh doanh để các nhà đầu tư lựa chọn và đơn giản hoá các thủ tục gia nhập thị trường, tạo sự bình đẳng cho các nhà kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho công dân.

3. Pháp luật trong lĩnh vực thương mại hàng hóa

Quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam trong 20 năm qua cũng là quá trình mở cửa, tự do hoá thương mại, thúc đẩy sự vận động, phát triển lưu thông hàng hoá, dịch vụ. Vì vậy, đây cũng là lĩnh vực có sự phát triển nhanh chóng.

Năm 1989, Nhà nước ban hành Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế. Năm 1992, Luật Hàng không Dân dụng được ban hành (sửa đổi bổ sung năm 1995, ban hành mới ngày 29/6/2006). Năm 1997, Quốc hội thông qua Luật Thương mại và năm 2005, Luật Thương mại mới được ban hành thay thế Luật thương mại 1997. Năm 1990, ban hành Bộ luật Hàng hải và năm 2005, Quốc hội thông qua Bộ luật Hàng hải mới thay thế Bộ luật Hàng hải 1990. Năm 2000, Luật Kinh doanh bảo hiểm ra đời. Năm 2003, Quốc hội thông qua Luật Xây dựng. Đặc biệt, chúng ta đang hướng tới xây dựng thương mại điện tử với việc ban hành Luật Giao dịch điện tử năm 2005. Năm 2005 cũng đánh dấu sự ra đời của Luật Du lịch, Luật Đấu thầu và Luật Các công cụ chuyển nhượng. Năm 2006, Luật Kinh doanh bất động sản cũng được ban hành...

4. Pháp luật về huy động và sử dụng các nguồn lực

Quá trình đổi mới kinh tế trong 20 năm qua cũng là quá trình huy động và sử dụng các nguồn lực trong xã hội cho phát triển kinh tế có hiệu quả. Đây là lĩnh vực có phạm vi điều chỉnh rất rộng. Nếu dựa vào tính chất, đặc điểm của những quan hệ mà nó điều chỉnh thì lĩnh vực pháp luật này có thể phân thành những bộ phận chủ yếu sau:

* Các quy định về sử dụng đất đai liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh:

Lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai là điểm đột phá nhất của thời kỳ đổi mới. Trong khoảng thời gian ngắn, Nhà nước ta đã nhiều

lần ban hành, sửa đổi, bổ sung các đạo luật về đất đai. Đạo luật đầu tiên là Luật Đất đai năm 1987; tiếp đến là Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung vào các năm 1998 và năm 2001. Năm 2003, Quốc hội thông qua Luật Đất đai mới. Luật Đất đai năm 2003 có nhiều nội dung mới theo hướng tiếp cận sát hơn với các quy luật của thị trường như các quy định về quy hoạch đất, giá đất, quyền sử dụng đất trên thị trường bất động sản, mở rộng quyền của người sử dụng đất... Đồng thời, Nhà nước ta còn ban hành Luật Nhà ở năm 2005, cùng với Luật Kinh doanh bất động sản năm 2006 đã tạo thành hệ thống pháp luật tương đối đồng bộ điều chỉnh việc sử dụng đất đai phục vụ cho phát triển kinh tế đất nước, đảm bảo sử dụng nguồn lực đất đai có hiệu quả.

* Các quy định về sử dụng nguồn lực lao động phục vụ cho sản xuất kinh doanh:

Nguồn lực con người được coi là tài sản quý giá của quốc gia. Để sử dụng có hiệu quả nguồn lực này, Quốc hội đã thông qua Bộ luật Lao động năm 1994 và Bộ luật này được sửa đổi bổ sung năm 2002. Tư duy mới thể hiện trong các quy định của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động, thoả ước lao động, tiền công, bảo hiểm xã hội, xuất khẩu lao động... hướng tới hình thành thị trường lao động ở Việt Nam.

* Pháp luật về khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước:

Đây là bộ phận pháp luật nhằm huy động nguồn lực tài chính (vốn) của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho phát triển kinh tế. Các quy định về đầu tư nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp nhà nước 2003, Luật Doanh nghiệp 1999 – 2005, Luật Hợp tác xã năm 1996 – 2003... Song, quy định trực tiếp về đầu tư thể hiện ở Luật Khuyến khích đầu tư trong nước năm 1998, Luật Đầu tư nước ngoài năm 1996, sửa đổi, bổ sung năm 2000 và hiện nay là Luật Đầu tư năm 2005 có hiệu lực từ ngày 1/7/2006 với rất nhiều điểm mới nhằm khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển kinh tế nhằm mục tiêu huy động tối đa các nguồn lực của các nhà đầu tư.

** Pháp luật về thị trường tài chính (tiền tệ, chứng khoán):*

Ra đời trong quá trình đổi mới kinh tế, thị trường tài chính non trẻ của Việt Nam đang trong quá trình hình thành, phát triển. Bộ phận pháp luật điều chỉnh thị trường tài chính được quy định ở nhiều văn bản pháp luật như: Luật Ngân hàng Nhà nước năm 1997, sửa đổi, bổ sung năm 2003; Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi, bổ sung năm 2004; Pháp lệnh Thương phiếu năm 1999; Luật Các công cụ chuyển nhượng năm 2005; Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán (thay thế Nghị định 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998) và hiện nay là Luật Chứng khoán năm 2006. Các văn bản pháp luật trên đã và đang tạo cơ sở pháp lý cho sự hình thành, phát triển thị trường tài chính ở Việt Nam.

** Pháp luật về ngân hàng và các giao dịch bảo đảm:*

Các quy định về ngân hàng và các giao dịch bảo đảm chủ yếu tập trung quy định về tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức kinh doanh tiền tệ như các tổ chức tín dụng ngân hàng và phi ngân hàng. Bộ phận pháp luật này được quy định chủ yếu ở Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2003; Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi, bổ sung năm 2004; Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 2/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính (sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005); Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/99 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2002/NĐ-CP ngày 25/10/2002); Nghị định số 08/2000/NĐ-CP ngày 10/3/2000 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm...

** Pháp luật liên quan đến thị trường khoa học công nghệ trong đó pháp luật về sở hữu trí tuệ đóng vai trò quan trọng:*

Đây là lĩnh vực có sự phát triển tương đối nhanh trong thời gian vừa qua. Năm 1989, Pháp lệnh về bảo hộ quyền sở hữu công

ngiệp được ban hành, tiếp đó là việc ban hành Bộ luật Dân sự 1995 trong đó dành chương II phần 6 với 26 điều quy định về quyền sở hữu công nghiệp là bước tiến quan trọng của hoạt động lập pháp trong lĩnh vực này. Sau đó, hàng loạt các văn bản đã được ban hành để hướng dẫn thực hiện các quy định của Bộ luật Dân sự 1995 như: Nghị định 63/CP ngày 24/10/1996 quy định chi tiết về quyền sở hữu công nghiệp; Nghị định 54/2000/NĐ-CP ngày 3/10/2000 về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và bảo hộ quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu công nghiệp. Đặc biệt, việc Nhà nước ban hành Luật Khoa học và Công nghệ năm 2000 và Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 đã góp phần hình thành hệ thống pháp luật về khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ tương đối hoàn chỉnh, tạo cơ sở pháp lý cho sự hình thành và phát triển thị trường khoa học công nghệ ở Việt Nam, hướng tới hội nhập kinh tế và tự do hóa thương mại.

5. Pháp luật về kiểm soát độc quyền và chống cạnh tranh không lành mạnh

Tự do cạnh tranh là một trong những nguyên tắc của kinh tế thị trường; quá trình đổi mới kinh tế cũng là quá trình thiết lập môi trường kinh doanh lành mạnh. Pháp luật về cạnh tranh có nhiệm vụ đảm bảo quyền tự do về kinh doanh và thiết lập môi trường kinh doanh lành mạnh. Trong 20 năm đổi mới kinh tế, bộ phận pháp luật này cũng đã được Nhà nước quan tâm xây dựng. Các quy định về cạnh tranh nằm rải rác ở các văn bản pháp luật khác nhau thuộc các lĩnh vực khác nhau như lĩnh vực đấu thầu, lĩnh vực chứng khoán... Ngày 3/12/2004, Quốc hội nước ta đã thông qua Luật Cạnh tranh trong đó tập trung điều chỉnh những vấn đề cơ bản như: hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi cạnh tranh không lành mạnh, tố tụng cạnh tranh. Có thể nói rằng, đây là bộ phận pháp luật còn rất mới mẻ trong tư duy pháp lý cũng như thực tiễn kinh doanh ở Việt Nam. Song có thể khẳng định đó là bước phát triển mới trong khoa học pháp lý cũng như thực tiễn kinh doanh ở Việt Nam, nó chỉ ra đời trong bối

cảnh của nền kinh tế thị trường được hình thành trong đổi mới kinh tế.

6. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và pháp luật về phá sản doanh nghiệp

Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh ở Việt Nam đã được hình thành, bước đầu đảm bảo quyền tự do định đoạt của các chủ thể kinh doanh trong việc giải quyết tranh chấp. Ngày 28/4/1993, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 204/TTg về việc thành lập trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam. Nhà nước ta cũng đã ban hành Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế ngày 16/3/1994, tiếp đó là Nghị định 116/CP ngày 5/9/2004 về việc thành lập trung tâm trọng tài kinh tế. Năm 2003, Pháp lệnh Trọng tài thương mại được ban hành. Đặc biệt, Bộ luật Tố tụng Dân sự được Quốc hội thông qua năm 2004 đã thống nhất sự điều chỉnh pháp luật về tố tụng, không phân biệt tố tụng dân sự hay kinh doanh thương mại. Những văn bản pháp luật kể trên đã tạo thành hệ thống tương đối hoàn chỉnh, bảo đảm quyền tự định đoạt cho các nhà kinh doanh trong việc giải quyết các tranh chấp.

Để giải quyết các doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, năm 1993, Quốc hội đã thông qua Luật Phá sản doanh nghiệp. Đây là đạo luật đầu tiên của nước ta được ra đời trong quá trình đổi mới kinh tế nhằm giải quyết vấn đề phá sản, đảm bảo quyền lợi của các chủ nợ, người lao động và bản thân doanh nghiệp bị phá sản. Năm 2004, Quốc hội nước ta thông qua Luật Phá sản mới thay thế Luật Phá sản năm 1993. Luật Phá sản năm 2004 có nhiều nội dung mới, tiến bộ, đảm bảo cho quá trình giải quyết phá sản được thực hiện nhanh chóng cũng như khả năng phục hồi doanh nghiệp nếu có thể.

7. Pháp luật về bảo đảm quản lý vĩ mô của Nhà nước về kinh tế

Hệ thống những quy định liên quan đến quản lý vĩ mô của Nhà nước về kinh tế chủ yếu bao gồm:

** Các quy định về bảo đảm nguồn thu của Nhà nước:*

Hệ thống các quy định thuộc nhóm này được ghi nhận trong các văn bản pháp luật về thuế, pháp luật ngân sách nhà nước, pháp luật về các nguồn thu khác của Nhà nước. Trong thời gian qua, Nhà nước ta đã ban hành, sửa đổi, bổ sung rất nhiều các đạo luật về thuế như: Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993; Luật Thuế chuyển quyền sử dụng đất năm 1994 (sửa đổi năm 1999); Luật Thuế giá trị gia tăng năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2003, 2005); Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2003; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 1998 (sửa đổi, bổ sung năm 2003, 2005); Luật Thuế xuất nhập khẩu năm 2005... Trong lĩnh vực ngân sách có Luật Ngân sách nhà nước năm 2002; Pháp lệnh Phí và Lệ phí năm 2002.

** Các quy định về kiểm soát giá cả:*

Trong nền kinh tế thị trường, nguyên tắc tự do giá cả được hình thành và đảm bảo. Tuy nhiên, nhằm ổn định thị trường, bảo vệ lợi ích của các nhà kinh doanh cũng như của xã hội, Nhà nước kiểm soát giá cả trong trường hợp cần thiết, đặc biệt là trong trường hợp tự vệ thương mại. Để kiểm soát giá cả, Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh Giá năm 2002; Pháp lệnh Chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004; Pháp lệnh Chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004; Pháp lệnh Tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam năm 2002...

** Các quy định về chất lượng hàng hóa:*

Với chức năng quản lý nền kinh tế, Nhà nước phải đảm bảo quyền lợi chung của xã hội; khi hàng hóa được lưu thông trên thị trường phải đảm bảo chất lượng như đã đăng ký.

Năm 1999, Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa trong đó quy định về việc áp dụng tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa; chứng nhận chất lượng hàng hóa; công nhận hệ thống quản lý chất lượng; thanh tra, kiểm tra về chất lượng hàng hóa trong quá trình sản xuất kinh doanh. Năm 2004, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21/10/2004 quy định về quản lý nhà nước về sản phẩm hàng hóa.

**Các quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng:*

Các quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực khác nhau như trong lĩnh vực y tế, lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm, lĩnh vực chất lượng hàng hóa... Tuy nhiên, những quy định mang tính nguyên tắc chung nhất về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã được quy định tại Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 27/4/1999 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định số 69/2001/NĐ-CP ngày 2/10/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

** Pháp luật về kế toán, kiểm toán:*

Đây là bộ phận pháp luật giúp Nhà nước, các doanh nghiệp kiểm soát được hoạt động kinh tế cũng như minh bạch hóa tình hình tài chính của quốc gia, là bộ phận pháp luật đặc biệt quan trọng trong quản lý vĩ mô của Nhà nước. Các quy định về kế toán, kiểm toán chủ yếu nằm trong các văn bản đã được Nhà nước ban hành như: Pháp lệnh Kế toán Thống kê năm 1988, Luật Kế toán năm 2003, Luật Kiểm toán năm 2005.

** Những quy định về bảo vệ môi trường:*

Phát triển bền vững đã trở thành triết lý của các quốc gia trong thế giới ngày nay. Đối mới kinh tế để phát triển phải đi đôi với việc bảo vệ môi trường – đó là chức năng của quản lý nhà nước. Luật Bảo vệ môi trường đã được Quốc hội thông qua ngày 27/12/1993. Năm 2005, Quốc hội nước ta đã thông qua Luật Bảo vệ môi trường mới thay thế Luật Bảo vệ môi trường năm 1993. Luật Bảo vệ môi trường quy định về phòng chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường... nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của quốc gia và bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành. Song song với việc ban hành Luật Bảo vệ môi trường, Nhà nước còn ban hành rất nhiều văn bản dưới luật nhằm cụ thể hóa việc thực thi Luật Bảo vệ môi trường trong cuộc sống, cũng như tham gia ký kết các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường.

II. MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ THÀNH TỰU CỦA PHÁP LUẬT KINH TẾ TỪ KHI THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẾN NAY (1986 – 2006)

Từ kết quả về hoạt động xây dựng pháp luật được trình bày khái quát trên đây cũng như từ thực tiễn thực hiện pháp luật kinh tế trong 20 năm qua, có thể rút ra một số nhận xét, đánh giá chung về những thành tựu chủ yếu của pháp luật kinh tế từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay như sau:

1. Khác với nhiều quốc gia trên thế giới, quá trình hình thành và phát triển pháp luật kinh tế nước ta không bắt đầu từ sự kế thừa mang tính hệ thống (hay ít ra một bộ phận) những quy định có cùng đặc trưng tồn tại trong xã hội (ví dụ: pháp luật cạnh tranh, pháp luật phá sản, pháp luật thương mại...).

Quá trình hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật kinh tế nước ta diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế tập trung là sản phẩm của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, dung nạp không ít những tư tưởng pháp lý của mô hình chủ nghĩa xã hội Đông Âu. Tồn tại trong bối cảnh của nền kinh tế có nhiều biến động nên khi thực hiện công cuộc đổi mới, pháp luật kinh tế Việt Nam vừa phải sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ những quy định lạc hậu vừa phải xây dựng, ban hành những văn bản mới theo tư duy của kinh tế thị trường. Thành tựu thứ nhất, pháp luật kinh tế Việt Nam đã hình thành được những nguyên tắc cơ bản được coi là hạt nhân quyết định diện mạo của hệ thống pháp luật kinh tế trong thời kỳ đổi mới. Cụ thể, pháp luật kinh tế Việt Nam đã hình thành và phát triển theo những nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc về tính đa dạng về sở hữu và theo đó là tính đa dạng của các chủ thể kinh doanh;

- Nguyên tắc tự do kinh doanh. Đây là nguyên tắc rất căn bản, quyết định xu hướng phát triển của cả hệ thống pháp luật kinh tế trong 20 năm qua;

- Nguyên tắc tự do giá cả, tự do cạnh tranh;

- Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật

của các thành phần kinh tế và theo đó là sự bình đẳng của các chủ thể kinh doanh.

2. *Nội dung của hệ thống pháp luật kinh tế đã có sự đổi mới rất căn bản theo tư duy kinh tế thị trường; tư duy kinh tế mới lấy thị trường làm căn cứ để xây dựng pháp luật, lấy các quan hệ kinh tế thị trường làm đối tượng điều chỉnh, lấy việc khai thác các nguồn lực trong xã hội để phát triển kinh tế; không ngừng mở rộng và bảo đảm dân chủ trong hoạt động kinh tế trên cơ sở đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chủ thể kinh doanh, kết hợp hài hòa giữa các lợi ích. Có thể khẳng định, hầu hết các lĩnh vực trong hệ thống pháp luật kinh tế ở nước ta trong 20 năm qua đều có sự đổi mới. Điều này có thể được minh chứng bằng một số ví dụ:*

+ Trong các quy định về sở hữu, tuy về hình thức, đất đai vẫn thuộc sở hữu toàn dân nhưng nội dung quyền sở hữu có sự thay đổi rất căn bản, người sử dụng đất có rất nhiều quyền như một chủ sở hữu;

+ Kinh tế nhà nước mặc dù vẫn được xác định giữ vai trò chủ đạo song quan niệm về tính chủ đạo đã có sự đổi mới rất căn bản trong các quy định của pháp luật. Doanh nghiệp nhà nước cũng hoàn toàn bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Vị trí độc quyền của kinh tế quốc doanh ngày càng bị thu hẹp;

+ Các quy định về hợp đồng trong kinh doanh cũng có sự đổi mới thể hiện rõ nét nhất ở việc quy định các nguyên tắc ký kết hợp đồng. Từ chỗ coi hợp đồng là công cụ thực hiện kế hoạch của Nhà nước, là kỷ luật bắt buộc của các doanh nghiệp thì nay quy định việc ký kết hợp đồng là quyền của chủ thể kinh doanh...

3. *Cơ cấu của hệ thống pháp luật kinh tế cũng có sự thay đổi rất quan trọng*

Trong cơ cấu của hệ thống pháp luật kinh tế đã xuất hiện một số lĩnh vực pháp luật mới mà trước đây chưa có để điều chỉnh những quan hệ kinh tế hình thành và phát triển trong nền kinh tế thị trường. Ví dụ, trong lĩnh vực tài chính là sự xuất hiện của các quy định pháp luật về kinh doanh chứng khoán, các quy định về thuê mua tài chính, quy định về

cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước... Điều đó có nghĩa, một lĩnh vực pháp luật mới – pháp luật về thị trường chứng khoán đã ra đời. Hoặc, để đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh, Nhà nước đã ban hành các quy định về cạnh tranh lành mạnh và kiểm soát độc quyền và như vậy, một lĩnh vực pháp luật mới - pháp luật về cạnh tranh đã hình thành...

Về mặt hình thức, số lượng các văn bản pháp luật kinh tế được ban hành dưới hình thức luật, pháp lệnh ngày càng chiếm tỷ lệ cao trong hệ thống các văn bản được ban hành. Tình trạng Nghị quyết của Đảng được áp dụng như các văn bản quy phạm pháp luật đã chấm dứt (Chỉ thị 100 của Ban bí thư, Nghị quyết 10 của Bộ chính trị trong nông nghiệp). Bên cạnh đó, việc ban hành các quy định về quản lý vĩ mô trong kinh tế cũng có sự chuyển dịch theo hướng tập trung vào các văn bản do Quốc hội ban hành, thu hẹp các văn bản của Chính phủ.

4. *Sự xuất hiện và phát triển của các định chế và thiết chế vốn là sản phẩm riêng có của nền kinh tế thị trường tồn tại như một nhân tố mới của hệ thống pháp luật kinh tế*

Các định chế và thiết chế mới hình thành trên nhiều lĩnh vực như: Cục quản lý cạnh tranh, Ngân hàng cổ phần thương mại, Trung tâm giao dịch chứng khoán, Tòa kinh tế, Tòa lao động, Trọng tài thương mại...

5. *Cơ chế điều chỉnh của pháp luật kinh tế trong 20 năm qua cũng có sự thay đổi rất căn bản*

Nếu như trước đây, phương pháp điều chỉnh của pháp luật kinh tế còn mang nặng tính mệnh lệnh hành chính do các quan hệ kinh tế được hình thành theo kiểu cấp phát – giao nộp, lấy kế hoạch làm công cụ chủ yếu để quản lý kinh tế, sự điều chỉnh pháp luật mang tính áp đặt thì ngày nay, phương pháp điều chỉnh của pháp luật kinh tế chủ yếu là phương pháp thỏa thuận, tự do khế ước. Điều đáng chú ý nữa là, từ chỗ các quy định của pháp luật kinh tế chủ yếu tập trung liệt kê các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh tế thì pháp luật kinh tế hiện nay đã hướng tới việc tạo ra những cơ hội và sự đảm bảo pháp lý cho việc tự do kinh doanh của các chủ thể.

Một biểu hiện khác trong sự đổi mới cơ chế điều chỉnh của pháp luật kinh tế là ngay trong quá trình xây dựng các phương án điều chỉnh pháp luật đối với những nhóm quan hệ trong từng lĩnh vực cụ thể, những tiêu chí đặt ra không phải lúc nào cũng xuất phát từ nội dung quản lý, từ lợi ích của Nhà nước. Ngược lại, các tiêu chí này đã chú ý và xuất phát từ lợi ích của nhà kinh doanh, coi đó là mục tiêu trước hết cần hướng tới (chẳng hạn về vấn đề đăng ký kinh doanh...).

Ngoài ra, cơ chế áp dụng pháp luật cũng có sự thay đổi bằng việc sử dụng nhiều hơn các biện pháp kinh tế thay cho các biện pháp hành chính.

6. Hình thành tư duy khoa học mới trong xây dựng, áp dụng pháp luật

Nhìn một cách khái quát, tư duy khoa học pháp lý mới trong xây dựng, áp dụng pháp luật kinh tế trong thời gian qua được thể hiện ở một số điểm như:

- Thống nhất sự điều chỉnh pháp luật về hợp đồng bằng việc ban hành Bộ luật Dân sự năm 2005. Pháp luật về hợp đồng ở Việt Nam đã được thống nhất, chấm dứt những cuộc tranh luận trong khoa học pháp lý về sự khác biệt giữa hợp đồng kinh tế với hợp đồng dân

sự, chấm dứt hiệu lực của Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế năm 1989.

- Một biểu hiện của tư duy khoa học pháp lý mới đó là coi tập quán là nguồn của pháp luật, điều này đã được ghi nhận trong Luật Thương mại năm 2005.

- Một số biểu hiện khác như vấn đề công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân được quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2005; vấn đề án lệ đã bắt đầu được chấp nhận trong thực tiễn áp dụng, thực thi pháp luật...

7. Trong 20 năm qua, pháp luật kinh tế Việt Nam ngày càng tiến tới tính đồng bộ, tính thống nhất và tính minh bạch đồng thời đang vận động hướng tới sự hội nhập pháp luật trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Hai mươi năm đổi mới, pháp luật kinh tế Việt Nam đã có sự phát triển tương đối nhanh chóng, bước đầu tạo lập nền tảng pháp lý cho sự hình thành, phát triển của thể chế kinh tế thị trường Việt Nam và bắt đầu hướng tới một xã hội dân sự, xã hội kinh doanh. Tới năm 2010 dự kiến sẽ có khoảng nửa triệu doanh nghiệp, hàng triệu cá nhân, hộ kinh doanh và pháp luật kinh tế Việt Nam sẽ là khế ước của một xã hội dân doanh và “một nhà nước tin vào thị trường, vào sự phân quyền mạnh”⁴.

⁴ Ý của PGS.TS Phạm Duy Nghĩa - Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 8/2005, tr.6.

(Tiếp theo trang 58 – Nhân hiệu và các khái niệm)

bảo hộ của chủ thể khác với mục đích sử dụng kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cùng loại (theo như đơn đăng ký tên miền của người nộp đơn) với hàng hóa, dịch vụ của chủ sở hữu nhân hiệu đã được bảo hộ trước đó chính là hành vi xâm phạm quyền của chủ sở hữu nhân hiệu. Ví dụ, vụ The Body Shop International Plc. (Anh) khiếu nại thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tên miền thebodyshop.com.vn đã cấp với lý do việc sử dụng tên miền đó xâm phạm quyền có trước của họ đối với nhân hiệu THE BODYSHOP cho các sản phẩm chăm sóc da được bảo hộ độc quyền ở Việt Nam. Cụ thể, Bản kê khai đăng ký tên miền của người bị khiếu nại đã

ghi nhận mục đích sử dụng tên miền thebodyshop.com.vn cho hoạt động “kinh doanh về mỹ phẩm”; như vậy, việc sử dụng tên miền này đã vi phạm quy định về sở hữu trí tuệ khi sử dụng tên miền như chỉ dẫn thương mại trên phương tiện điện tử trùng với nhân hiệu của bên khiếu nại cho loại hàng hóa tương tự.

Như vậy, căn cứ vào nội hàm của những khái niệm trên, việc phân biệt các khái niệm đó sẽ góp phần giải quyết những tranh chấp quyền xảy ra ngày càng nhiều trong nền kinh tế thị trường và trong quá trình toàn cầu hóa thương mại